

NGHIÊN CỨU YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ HIỆU QUẢ CỦA HỆ THỐNG CANH TÁC TRÊN ĐẤT LÚA TẠI HUYỆN PHÚ LƯƠNG, THÁI NGUYÊN

Đặng Văn Minh^{*}
Đại học Thái Nguyên

TÓM TẮT

Đề tài nghiên cứu công tác quản lý và hiệu quả sử dụng đất trồng lúa tại huyện Phú Lương - tỉnh Thái Nguyên với mục đích tăng cường công tác quản lý và hiệu quả sử dụng đất trồng lúa của địa phương theo hướng phát triển bền vững. Đất trồng lúa của huyện Phú Lương có 5 loại hình sử dụng đất (LUT) với 13 kiểu sử dụng đất phổ biến. Các LUT khác nhau có hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường rất khác nhau, trong đó công thức canh tác LX-LM-rau vụ đông cho hiệu quả kinh tế và xã hội cao nhất. Diện tích đất trồng lúa đã giảm rõ rệt qua các năm đã làm ảnh hưởng tới sản lượng lúa. Việc quản lý yếu kém là một trong những nguyên nhân gây việc giảm diện tích đất lúa

Từ khóa: Đất lúa, hệ thống canh tác, hiệu quả và yếu tố tác động

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất trồng lúa là một tư liệu sản xuất đặc biệt, đóng vai trò cốt lõi trong việc đảm an ninh lương thực (Bùi Xuân Sơn, 2006). Hiện nay diện tích đất trồng lúa đang giảm sút, có nguy cơ đe dọa đến an ninh lương thực quốc gia (Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, 1999). Chính Phủ đã ban hành Nghị định số 42/NĐ-CP ngày 11/5/2012 về quản lý, sử dụng đất trồng lúa. Theo Nghị định này, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa là một trong những nội dung trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Hạn chế tối đa việc chuyển đất trồng lúa nước đang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp; khuyến khích việc khai hoang mở rộng diện tích đất trồng lúa, cải tạo đất lúa khác thành đất chuyên trồng lúa nước. Trong bối cảnh phải đảm bảo hài hòa các nhu cầu đất đai khác, trước thực trạng đất lúa đang chịu nhiều sức ép về việc giảm về diện tích và không thể mở rộng thêm, huyện Phú Lương là huyện miền núi nhưng thực sự cần những giải pháp quản lý, bảo vệ và sử dụng hết sức cẩn trọng trên từng cánh đồng, từng sào ruộng. Đề tài nghiên cứu công tác quản lý và hiệu quả sử dụng đất trồng lúa tại huyện Phú Lương - tỉnh Thái Nguyên nhằm tăng cường công tác quản lý và hiệu quả sử dụng đất trồng lúa của địa phương theo hướng phát triển bền vững.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện năm 2013 dựa trên các số liệu thống kê liên quan tới sản xuất lúa tại huyện Phú Lương giai đoạn 2008-2012 (Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương, 2012; Sở tài nguyên và Môi trường Thái Nguyên, 2012); và các số liệu điều tra nghiên cứu thực địa (Hội khoa học đất Việt Nam, 1999).

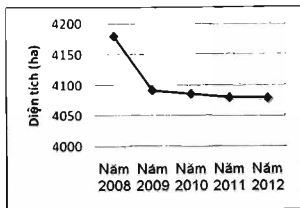
Việc điều tra và nghiên cứu thực địa được tiến hành tại 3 xã đại diện cho 3 vùng sinh thái khác nhau: Xã Phấn Mễ (đại diện cho vùng sản xuất lúa tập trung), xã Sơn Cẩm (đại diện cho vùng ven thành phố Thái Nguyên có nền kinh tế đa dạng) và Xã Túc Tranh (đại diện vùng miền núi có diện tích đất lúa ít).

Hiệu quả của các hệ thống canh tác đất lúa được đánh giá dựa trên 3 nội dung nghiên cứu: Hiệu quả kinh tế (đánh giá định lượng: Giá trị sản xuất, chi phí trung gian, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận); hiệu quả xã hội (như mức độ thu hút lao động, thu nhập, an ninh lương thực) và môi trường (mức độ sử dụng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật) được đánh giá theo phương pháp định tính thông qua người dân.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Biến động diện tích đất trồng lúa và sản lượng lúa thu hoạch

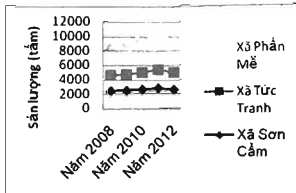
^{*} Tel: 0912 334310



Biểu đồ 1. Biến động diện tích đất trồng lúa huyện Phú Lương

Theo xu hướng chung, giai đoạn 2008 - 2012 biến động đất đai trên địa bàn huyện Phú Lương biến động theo hướng chuyển từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, diện tích đất lúa cũng giảm đáng kể, đặc biệt trong năm 2008-2009 (Biểu đồ 1). Nhiều diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng không được phép của cơ quan có thẩm quyền.

Mặc dù diện tích giảm nhưng sản lượng lúa vẫn tăng nhẹ hoặc ít biến động qua các năm (Biểu đồ 2). Điều này được lý giải do việc áp dụng giống mới và mức độ thâm canh cao hơn qua các năm. Tuy nhiên nếu xét về an ninh lương thực vẫn không đảm bảo do dân số tăng và nhu cầu lương thực tăng.



Biểu đồ 2. Sự biến động Sản lượng lúa tại một số xã giai đoạn 2008-2012

Cơ cấu cây trồng và hệ thống canh tác đất lúa

Các loại hình sử dụng đất trồng lúa được thu thập trên cơ sở những tài liệu tổng hợp của huyện và kết quả điều tra trực tiếp ở các hộ gia đình tại các địa điểm nghiên cứu đại diện cho khu vực kinh tế sinh thái. Đất trồng lúa của huyện Phú Lương có 5 loại hình sử dụng đất (LUT) với 13 kiểu sử dụng đất phổ biến (Bảng 1). Mỗi kiểu sử dụng có quy mô, diện tích, khu vực phân bố khác nhau đối với mỗi vùng sinh thái, trong đó vùng trung tâm sản xuất lúa tập trung có diện tích đất lúa lớn và cơ cấu cây trồng đa dạng hơn so với 2 vùng còn lại.

Bảng 1. Các loại hình sử dụng đất trồng lúa của huyện Phú Lương

Đất lúa	LUT	Kiểu sử dụng đất
2 vụ	2 lúa - 1 màu	1. Lúa xuân - lúa mùa - ngô đông
		2. Lúa xuân - lúa mùa - khoai lang đông
	2 lúa	3. Lúa xuân - lúa mùa - rau đông
		4. Lúa xuân - lúa mùa - Đậu tương
1 vụ	1lúa -2 màu	5. Lúa xuân - lúa mùa
		6. Ngô xuân - lúa mùa - ngô đông
		7. Ngô xuân - lúa mùa - khoai lang đông
	1 lúa - 1 màu	8. Lạc xuân - lúa mùa - ngô đông
		9. Lạc xuân - lúa mùa
1 lúa	10. Ngô xuân - lúa mùa	
		11. Đậu tương xuân - lúa mùa
		12. Rau - lúa mùa
	1 lúa	13. Lúa mùa

Hiệu quả kinh tế

Hiệu quả kinh tế được đánh giá dựa trên cơ sở so sánh giá trị sản xuất và chi phí sản xuất. Hiệu số giữa giá trị sản xuất với chi phí sản xuất càng cao thì hiệu quả kinh tế càng cao. Kết quả đánh giá (bảng 2) cho thấy đất 2 vụ lúa, 2 lúa-1 màu (vụ đông) có hệ số sử dụng đất cao và hiệu quả kinh tế cũng cao. Công thức lúa xuân – lúa mùa sớm – rau có giá trị kinh tế cao nhất. Công thức canh tác trong đó có cây ngô cho hiệu quả kinh tế thấp nhất.

Bảng 2. Hiệu quả kinh tế các kiểu sử dụng đất trồng lúa

Kiểu sử dụng đất	GTSX (1000đ)		CPSX (1000đ)		GTGT (1000đ)		Hv (lần)	Mức	Hlđ 1000đ/c	Mức
	Mức	Mức	Mức	Mức	Mức	Mức				
1. LX - LM - ngô đông	95.959	M	51.902	H	44.057	M	1,85	L	69,33	L
2. LX - LM - KL đông	108.393	H	52.275	H	56.117	H	2,07	M	84,23	H
3. LX - LM - rau đông	144.687	VH	63.356	VH	81.331	VH	2,28	H	89,31	H
4. Ngô xuân - LM - ngô đông	84.498	M	47.477	H	37.021	L	1,78	VL	61,75	L
5. Ngô xuân - LM - KL đông	96.931	M	47.850	H	49.081	M	2,03	M	77,86	H
6. Lạc xuân - LM - ngô đông	94.046	M	51.801	H	42.245	L	1,82	VL	58,52	VL
7. LX - LM	70.494	L	36.985	M	33.509	L	1,91	L	75,06	H
8. Lạc xuân - LM	72.407	L	37.086	M	35.320	L	1,95	L	66,29	M
9. Ngô xuân - LM	60.946	L	32.661	L	28.284	VL	1,87	L	68,90	M
10. LM - Rau	108.079	H	44.354	M	63.724	H	2,44	VH	92,93	VH
11. LX	36.607	VL	19.001	VL	17.606	VL	1,93	L	78,27	H

Ghi chú: Mức đánh giá căn cứ vào thang tiêu chuẩn, trong đó: L- thấp, M- trung bình, H- cao, VL- rất cao.

Hiệu quả xã hội

Hiệu quả xã hội của mỗi loại hình sử dụng đất được đánh giá thông qua các chỉ tiêu: Thu hút lao động, đảm bảo đời sống xã hội, tỷ lệ giảm hộ đói nghèo, yêu cầu về vốn đầu tư, sản phẩm tiêu thụ trên thị trường, phù hợp với tập quán canh tác... Mỗi loại hình sử dụng đất đều có tác dụng nhất định đến đời sống xã hội tại địa phương.

Theo số liệu điều tra nông hộ tại các xã điểm phần lớn các hộ được điều tra có số nhân khẩu từ 4 - 6 người/hộ, lao động trong độ tuổi từ 2 - 4 người/hộ. Quá trình sản xuất nông nghiệp tạo ra việc làm cho người nông dân, tạo ra nguồn của cải phục vụ đời sống của chính nông hộ, đồng thời tạo ra nguồn hàng hóa để buôn bán trên thị trường.

Bảng 3. Hiệu quả xã hội của các loại hình sử dụng đất trồng lúa

STT	LUT	Chỉ tiêu đánh giá														
		Đảm bảo lương thực			Thu hút lao động			Yêu cầu vốn đầu tư			Đáp ứng nhu cầu nông hộ			Sản phẩm hàng hóa		
		I	II	III	I	II	III	I	II	III	I	II	III	I	II	III
1	2L - M	H	M	M	M	M	M	H	H	H	M	M	M	H	M	M
2	2L	H	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	H	M	M
3	1L - 2M	M	L	L	M	L	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L
4	1L - 1M	L	L	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L	L	L	L
5	1L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L

Ghi chú: H - cao; M - trung bình; L - thấp

Hiệu quả môi trường

Hiệu quả môi trường thể hiện qua kết quả đánh giá các tiêu chí về hệ số sử dụng đất, tỷ lệ che phủ, khả năng bảo vệ, cải tạo đất, ảnh hưởng của việc sử dụng thuốc bảo vệ và phân bón (Bảng 4).

Bảng 4. Hiệu quả môi trường của các LUT

STT	LUT	Chỉ tiêu đánh giá			
		Hệ số sử dụng đất	Tỷ lệ che phủ	Khả năng bảo vệ, cải tạo đất	Anh hưởng của thuốc BVTV đến môi trường
1	2L - M	***	**	**	**
2	2L	**	**	**	**
3	1L - 2M	***	**	***	**
4	1L - 1M	**	.	**	***
5	1L	.	.	*	***

Ghi chú: Mức độ cao: ***, trung bình: **, thấp: *

LUT 2 lúa - màu, 2 màu - 1 lúa: Đất được sử dụng liên tục trong năm, cây trồng được bố trí phù hợp với từng loại đất, từng mùa vụ tạo ra sự đa dạng về sinh học, tăng hệ số sử dụng dụng đất, tránh được sâu bệnh. Tuy nhiên, cần tăng cường bón phân hữu cơ, hạn chế việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và bón phân hóa học. LUT 1 lúa có hiệu quả môi trường cao nhất do số lần sử dụng thuốc bảo vệ thực vật/năm thấp nhất.

Các vấn đề bất cập của công tác quản lý diện tích đất trồng lúa

Nguyên nhân diện tích đất lúa giảm do công tác quản lý đất trồng lúa không thống nhất giữa các cơ quan quản lý. Số liệu ở bảng 5 cho thấy thống kê diện tích đất lúa tại cùng 1 địa phương rất khác nhau giữa phòng Nông Nghiệp và phòng Tài nguyên Môi trường.

Bảng 5. Chênh lệch số liệu thống kê đất lúa giữa các bộ phận quản lý

Địa điểm	Số liệu phòng Nông nghiệp (ha)	Số liệu phòng TNMT (ha)	Chênh lệch (ha)
Toàn huyện	3.245,1	4.079,2	- 834,1
Xã Tức Tranh	99,23	245,55	- 146,32
Xã Phần Mễ	458,39	524,41	- 66,02
Xã Sơn Cầm	277,59	261,79	15,8

Mức độ vi phạm về sử dụng đất trồng lúa cũng tăng lên qua từng năm (Bảng 6) thể hiện sự quản lý còn yếu kém. Đây cũng là nguyên nhân làm giảm diện tích đất trồng lúa đang diễn ra tại địa phương..

Bảng 6. Sử dụng sai mục đích đất lúa giai đoạn 2008-2012

Thống kê	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1. Số trường hợp vi phạm					
Toàn huyện	18	25	20	15	29
Xã Tức Tranh	5	4	4	6	7
Xã Sơn Cầm	2	6	3	4	4
Xã Phần Mễ	2	1	0	2	1
2. Diện tích sử dụng sai mục đích (ha)					
Toàn huyện	0.98	1.03	0.81	1,65	3,02
Xã Tức Tranh	0.20	0.31	0.27	0.25	0.86
Xã Sơn Cầm	0.02	0.08	0.05	0.04	0.06
Xã Phần Mễ	0.07	0.02	0.00	0.05	0.03

KẾT LUẬN

Đất trồng lúa của huyện Phú Lương có 5 loại hình sử dụng đất (LUT) với 13 kiểu sử dụng đất phổ biến. Các LUT khác nhau có hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường rất khác nhau, trong đó công thức canh tác LX-LM-rau vụ đông cho hiệu quả kinh tế và xã hội cao nhất. Diện tích đất trồng lúa đã giảm rõ rệt qua các năm đã làm ảnh hưởng tới sản lượng lúa. Việc quản lý yếu kém là một trong những nguyên nhân gây việc giảm diện tích đất lúa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (1999), Báo cáo tóm tắt chương trình phát triển nông lâm

NGHIỆP và kinh tế - xã hội nông thôn vùng núi Bắc bộ tới năm 2000 và 2010, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

2. Hội khoa học đất Việt Nam (1999), Sổ tay điều tra, phân loại đánh giá đất, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

3. Sở tài nguyên và Môi trường Thái Nguyên (2012), Báo cáo thuyết minh bảng biểu hiện trạng sử dụng đất năm 2012 huyện Phú Lương, Thái Nguyên.

4. Bùi Xuân Sơn (2006), Chính sách đất đai đối với nông nghiệp, nông thôn, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

5. Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương (1999), Quy hoạch phân bổ sử dụng đất huyện Phú Lương giai đoạn 2000 - 2010, Phú Lương

6. Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương (2012), Báo cáo thuyết minh kết quả công tác kiểm kê đất đai năm 2012, Phú Lương.

SUMMARY

STUDY FACTORS AFFECTING AND EFFECTIVENESS OF RICE LAND FARMING SYSTEM IN PHU LUONG DISTRICT, THAI NGUYEN**Dang Van Minh****Thai Nguyen University*

The objective of this research is to study factors affecting and effectiveness of farming system in rice land of Phu Luong district that will useful to management of rice land. Rice land in Phu Luong district includes 5 LUT with 13 different typical land use types, of which the spring rice - summer rice - winter vegetable system given the highest economic return value and has high social impacts. It is evident that rice land area has reduced significantly every year, resulting reduction of rice products. Weakness in management is one of reason leading to lost of rice land.

Keywords: *Rice land, farming system, effectiveness and factors affecting*

Ngày nhận bài: 14/12/2014; Ngày phản biện: 28/12/2014; Ngày duyệt đăng: 30/01/2015
Phân biên khoa học: TS. Phan Đình Bình – Trường Đại học Nông Lâm - DHTN

* Tel 0912 334310